BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2021/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư

Căn cứ Luật Luật sư ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; quản lý việc tập sự hành nghề luật sư và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; xử lý kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người tập sự hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là người tập sự), luật sư hướng dẫn tập sự, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, cơ quan quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư, cá nhân, tổ chức có liên quan.

Chương II
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 3. Người tập sự hành nghề luật sư

1. Người đáp ứng các điều kiện sau đây thì được đăng ký tập sự hành nghề luật sư:

a) Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật;

c) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam hoặc Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được miễn đào tạo nghề luật sư nhưng thuộc trường hợp phải tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Luật sư.

2. Người đang tập sự hành nghề luật sư mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì phải chấm dứt tập sự và không được công nhận thời gian đã tập sự. Người đã hoàn thành thời gian tập sự mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì không được công nhận thời gian đã tập sự.

Điều 4. Nhận tập sự hành nghề luật sư

1. Người muốn tập sự hành nghề luật sư lựa chọn và thỏa thuận với một tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự cử luật sư

hướng dẫn và gửi Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự và Đoàn Luật sư ở địa phương nơi đặt trụ sở.

2. Trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thỏa thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì có thể đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư để tập sự. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm phân công một luật sư thành viên của Đoàn là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận người đó vào tập sự. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư được phân công mà từ chối nhận tập sự khi không có lý do chính đáng thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Thông tư này.

3. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự bao gồm:

a) Văn phòng luật sư, công ty luật; chi nhánh của văn phòng luật sư, công ty luật;

b) Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 5. Đăng ký tập sự hành nghề luật sư

1. Người đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

2. Hồ sơ đăng ký tập sự gồm có:

a) Giấy đề nghị đăng ký tập sự hành nghề luật sư theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự;

c) Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

d) Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam hoặc bản sao Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc bản sao giấy

tờ chứng minh được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ghi tên người tập sự vào danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư và cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này; trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của Thông tư này.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gửi văn bản thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

Điều 6. Nội dung tập sự hành nghề luật sư

1. Pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam.

2. Kỹ năng nghiên cứu, thu thập tài liệu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ vụ việc.

3. Kỹ năng tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.

4. Kỹ năng tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

5. Kỹ năng tư vấn pháp luật.

6. Kỹ năng đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật.

7. Kỹ năng thực hiện dịch vụ pháp lý khác.

Điều 7. Nhật ký tập sự, báo cáo quá trình tập sự

1. Người tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư theo mẫu quy định tại Thông tư này để ghi chép các công việc thuộc nội dung tập sự mà mình thực hiện trong thời gian tập sự. Sổ nhật ký tập sự có xác nhận của luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự khi kết thúc quá trình tập sự.

2. Khi hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư, người tập sự có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về quá trình tập sự theo mẫu quy định tại Thông tư này cho Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự. Báo cáo quá trình tập sự phải có nhận xét, chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và đánh giá của Đoàn Luật sư về tư cách đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật của người tập sự.

Điều 8. Luật sư hướng dẫn tập sự

1. Luật sư Việt Nam đang hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hành nghề, có uy tín, không trong thời gian bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Luật sư hướng dẫn bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt mới được hướng dẫn tập sự. Trong cùng một thời điểm, một luật sư không được hướng dẫn quá 03 người tập sự.

2. Luật sư phải từ chối hướng dẫn tập sự khi không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phát hiện người tập sự không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

Trong quá trình tập sự, luật sư hướng dẫn từ chối tiếp tục hướng dẫn tập sự khi người tập sự không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông

tư này hoặc bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 33 của Thông tư này.

Khi từ chối hướng dẫn người tập sự, luật sư hướng dẫn có trách nhiệm thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự. Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự phân công luật sư khác trong tổ chức mình hướng dẫn người tập sự trong trường hợp luật sư hướng dẫn không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Luật sư hướng dẫn bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ các điều kiện hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn theo quy định của Thông tư này;

c) Bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư;

d) Bị chết hoặc vì lý do sức khoẻ hoặc lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Khi thay đổi luật sư hướng dẫn thì tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự phân công luật sư khác trong tổ chức mình tiếp tục hướng dẫn người tập sự và gửi văn bản thông báo cho Đoàn Luật sư.

4. Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Luật sư hoặc không còn luật sư khác đủ điều kiện hướng dẫn thì người tập sự có thể đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư khác để tập sự. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm phân công một luật sư thành viên khác của Đoàn Luật sư là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư tiếp nhận người đó vào tập sự. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư được phân công mà từ chối tiếp nhận tập sự khi không có lý do chính đáng thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Thông tư này.

Trong trường hợp người tập sự tự thỏa thuận với một tổ chức hành nghề luật sư khác để tiếp tục tập sự thì việc nhận tập sự thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

Điều 9. Thay đổi nơi tập sự hành nghề luật sư

1. Người tập sự hành nghề luật sư thay đổi nơi tập sự khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

2. Người tập sự thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề luật sư này sang tổ chức hành nghề luật sư khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phải báo cáo bằng văn bản về việc thay đổi đó cho Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự. Báo cáo phải có nhận xét và chữ ký của luật sư hướng dẫn, xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi đã tập sự và tổ chức hành nghề luật sư nơi chuyển đến.

Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì phải có văn bản đề nghị rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư nơi đã đăng ký; đăng ký tập sự tại Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư mà mình chuyển đến kèm theo báo cáo quá trình tập sự.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người tập sự, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra quyết định thay đổi nơi tập sự hoặc cho rút tên khỏi danh sách người tập sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nơi đã tập sự, tổ chức hành nghề luật sư nơi chuyển đến, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn Luật sư.

4. Người tập sự thay đổi nơi tập sự thì thời gian tập sự được tính bằng tổng thời gian tập sự của người đó tại các tổ chức hành nghề luật sư nếu thời gian tập sự tại mỗi tổ chức hành nghề luật sư ít nhất là 02 tháng và phải có xác nhận bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, nhận xét bằng văn bản của luật sư hướng dẫn về quá trình tập sự tại tổ chức đó. Trong trường hợp quá thời hạn 30 ngày,

kể từ ngày quyết định thay đổi, người tập sự không thực hiện thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề luật sư thì phải tạm ngừng hoặc chấm dứt việc tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Điều 10. Thời gian tập sự hành nghề luật sư và gia hạn tập sự hành nghề luật sư

1. Thời gian tập sự hành nghề luật sư là 12 tháng, kể từ ngày Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư đăng ký tập sự; người được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Luật sư thì thời gian tập sự hành nghề luật sư là 04 tháng; người được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư thì thời gian tập sự hành nghề luật sư là 06 tháng.

2. Người tập sự được Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gia hạn tập sự hành nghề luật sư khi không đạt yêu cầu tập sự theo đánh giá của luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị gia hạn của người tập sự, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư ra quyết định gia hạn tập sự hành nghề luật sư.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định gia hạn tập sự hành nghề luật sư, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gửi văn bản thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, người tập sự, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn Luật sư.

3. Người tập sự được gia hạn tập sự hành nghề luật sư tối đa không quá 02 lần, mỗi lần 06 tháng. Trong trường hợp gia hạn tập sự lần thứ hai mà người tập sự không đạt yêu cầu thì Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự ra quyết định rút tên người đó khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư. Người bị rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư có quyền khiếu nại theo quy định của Thông tư này.

Người bị rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư phải đăng ký lại việc tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này. Thời

gian tập sự hành nghề luật sư của người tập sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong quá trình gia hạn tập sự hoặc tập sự lại, người tập sự lập Sổ nhật ký tập sự hành nghề luật sư và báo cáo quá trình tập sự theo quy định của Thông tư này.

Điều 11. Tạm ngừng, chấm dứt việc tập sự hành nghề luật sư

1. Người tập sự có thể tạm ngừng việc tập sự hành nghề luật sư sau khi thỏa thuận bằng văn bản với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và phải báo cáo bằng văn bản cho Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự.

Người tập sự được tạm ngừng tập sự tối đa 02 lần, mỗi lần không quá 03 tháng. Thời gian tập sự trước khi tạm ngừng được tính vào tổng thời gian tập sự hành nghề luật sư.

2. Người tập sự chấm dứt việc tập sự hành nghề luật sư khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự chấm dứt việc tập sự hành nghề luật sư;

b) Được tuyển dụng làm cán bộ, công chức, viên chức; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân; sỹ quan, hạ sỹ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân;

c) Không còn thường trú tại Việt Nam;

d) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật dân sự;

đ) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật;

g) Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

h) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề luật sư từ 03 tháng đến 06 tháng hoặc bị xóa tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư;

i) Tạm ngừng tập sự quá số lần quy định hoặc đã hết thời hạn tạm ngừng tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không tiếp tục tập sự;

k) Người đang tập sự hành nghề luật sư mà bị phát hiện không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này;

l) Người bị rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Thông tư này.

Thời gian tập sự trước khi chấm dứt tập sự quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào tổng thời gian tập sự.

3. Người tập sự chấm dứt việc tập sự được xem xét đăng ký lại việc tập sự khi đủ điều kiện tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, i, k và l khoản 2 Điều này; các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này khi lý do chấm dứt tập sự không còn;

b) Đã được xóa án tích, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

d) Sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề luật sư từ 03 tháng đến 06 tháng có hiệu lực hoặc sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức xoá tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư có hiệu lực.

Trình tự, thủ tục đăng ký tập sự lại được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người tập sự

1. Người tập sự có các quyền sau đây:

a) Thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự;

b) Được hướng dẫn về các nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự;

c) Giúp luật sư hướng dẫn thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Luật sư;

d) Được tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và luật sư hướng dẫn tạo điều kiện trong quá trình tập sự;

đ) Đề nghị thay đổi luật sư hướng dẫn và nơi tập sự trong các trường hợp quy định tại Thông tư này;

e) Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư;

g) Các quyền khác theo thỏa thuận với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người tập sự có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư;

b) Tuân theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, nội quy Đoàn Luật sư, nội quy của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự;

c) Thực hiện các công việc theo sự phân công của luật sư hướng dẫn;

d) Chịu trách nhiệm trước luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về chất lượng công việc mà mình đảm nhận;

đ) Đảm bảo thời gian tập sự tối thiểu là 20 giờ trong 01 tuần;

e) Lập Sổ nhật ký tập sự, báo cáo quá trình tập sự;

g) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của luật sư hướng dẫn

1. Hướng dẫn người tập sự theo nội dung tập sự, việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tập sự.

2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công việc của người tập sự do mình phân công, xác nhận vào Sổ nhật ký tập sự của người tập sự.

3. Nhận xét về quá trình tập sự, trong đó nêu rõ các ưu điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, việc thực hiện Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam của người tập sự.

4. Chịu trách nhiệm về quá trình tập sự của người tập sự; tạo điều kiện để người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; không được cản trở hay hạn chế người tập sự thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về những vụ, việc mà người tập sự thực hiện theo sự phân công và hướng dẫn của mình.

5. Kịp thời báo cáo tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về việc người tập sự không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tập sự, vi phạm quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình tập sự.

6. Từ chối hướng dẫn tập sự khi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

7. Các trách nhiệm khác liên quan đến việc hướng dẫn tập sự theo phân công của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

1. Cấp Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư cho người tập sự, phân công luật sư đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư này hướng dẫn người tập sự và chịu trách nhiệm về việc phân công đó.

2. Được thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động với người tập sự; bảo đảm việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tập sự, tạo điều kiện thuận lợi cho người tập sự và luật sư hướng dẫn tập sự tại tổ chức mình.

3. Lập, quản lý, sử dụng Sổ theo dõi quá trình tập sự của người tập sự tại tổ chức mình theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn, quyền, nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Thông tư này.

5. Quản lý người tập sự trong quá trình tập sự tại tổ chức mình; xem xét, xử lý vi phạm đối với người tập sự theo quy định của Thông tư này.

6. Hòa giải tranh chấp giữa luật sư hướng dẫn và người tập sự.

7. Từ chối nhận người tập sự trong trường hợp người tập sự không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự không còn luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định của Thông tư này; chấm dứt việc nhận hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp người tập sự bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 33 của Thông tư này.

8. Xem xét việc từ chối, thay đổi luật sư hướng dẫn.

9. Báo cáo bằng văn bản cho Sở Tư pháp, Đoàn Luật sư nơi có trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự về tình hình tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung về việc tập sự hành nghề luật sư của người tập sự, bao gồm những thông tin sau đây:

a) Số lượng người tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư;

b) Đánh giá chất lượng tập sự của người tập sự;

c) Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn và người tập sự theo quy định của Thông tư này;

d) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình nhận tập sự và đề xuất, kiến nghị.

10. Gửi Đoàn Luật sư danh sách người chấm dứt và hoàn thành thời gian tập sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chấm dứt hoặc hoàn thành thời gian tập sự.

11. Các trách nhiệm khác theo thỏa thuận với người tập sự và quy định của pháp luật.

Chương III
KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 15. Người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư bao gồm:

a) Người hoàn thành thời gian tập sự theo quy định của Luật Luật sư và Thông tư này;

b) Người không đạt yêu cầu kiểm tra trong các kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư trước đó;

c) Người có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực.

2. Những người sau đây không đủ điều kiện tham dự kiểm tra:

a) Người không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này mà vẫn đăng ký tập sự;

b) Người có hành vi khai gian dối trong hồ sơ tham dự kiểm tra;

c) Người đăng ký tập sự lại khi chưa hết 01 năm, kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề luật sư từ 03 tháng đến 06 tháng có hiệu lực hoặc chưa hết 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư có hiệu lực.

3. Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự lập danh sách, đề nghị cho tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đối với những trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Người đạt yêu cầu kiểm tra được cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp. Sau thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận, người đạt yêu cầu kiểm tra không đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thì phải tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư này.

5. Người không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kết quả tập sự thì không được tham dự kiểm tra và phải đăng ký tập sự lại theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 16. Nguyên tắc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghiêm túc, công khai, công bằng, khách quan, trung thực và hiệu quả.

Điều 17. Nội dung và hình thức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kỹ năng tham gia tố tụng;

b) Kỹ năng tư vấn pháp luật;

c) Kỹ năng đại diện ngoài tố tụng và thực hiện dịch vụ pháp lý khác;

d) Pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam;

đ) Kỹ năng khác theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Hình thức kiểm tra bao gồm kiểm tra viết và kiểm tra thực hành.

a) Kiểm tra viết bao gồm hai bài kiểm tra:

Bài kiểm tra viết thứ nhất về các kỹ năng tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng và thực hiện dịch vụ pháp lý khác. Thời gian làm bài kiểm tra viết thứ nhất là 180 phút.

Bài kiểm tra viết thứ hai về pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam. Thời gian làm bài kiểm tra viết thứ hai là 90 phút.

b) Kiểm tra thực hành:

Thí sinh trình bày, bảo vệ quan điểm về một vụ, việc tự chọn mà mình tham gia trong thời gian tập sự và trả lời câu hỏi của thành viên Ban Chấm thi thực hành có liên quan đến vụ, việc.

Điều 18. Tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư được tổ chức ít nhất 06 tháng 01 lần.

2. Chậm nhất là ngày 15 của tháng cuối quý, Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư gửi danh sách người tập sự được đề nghị tham dự kiểm tra cho Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Sở Tư pháp nơi có trụ sở của Đoàn Luật sư.

Hồ sơ tham dự kiểm tra gồm có:

a) Giấy đề nghị tham dự kiểm tra theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư;

c) Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

d) Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo quy định của Thông tư này;

đ) Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.

3. Đối với người có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực, hồ sơ tham dự kiểm tra được gửi đến Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị tham dự kiểm tra theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực.

Điều 19. Thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (sau đây gọi chung là Hội đồng kiểm tra) bao gồm từ 05 đến 07 thành viên do Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận tập thể và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hội đồng kiểm tra được sử dụng con dấu của Liên đoàn Luật sư Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Thông tư này.

2. Thành phần Hội đồng kiểm tra gồm có:

a) Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;

b) Đại diện Ban chủ nhiệm của một số Đoàn Luật sư và luật sư là thành viên Hội đồng kiểm tra.

3. Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Ban Đề thi, Ban Thư ký, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi viết, Ban Chấm thi thực hành và Ban Phúc tra (sau đây gọi chung là Ban giúp việc) do Hội đồng kiểm tra thành lập.

Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra làm Trưởng Ban Đề thi, Ban Phách, Ban Phúc tra. Trưởng các Ban giúp việc khác và thành viên các Ban giúp việc do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định.

4. Thành viên Hội đồng kiểm tra, Ban giúp việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật và tinh thần trách nhiệm cao;

b) Nắm vững nghiệp vụ tổ chức kiểm tra;

c) Không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản này, thành viên Ban Đề thi, Ban Chấm thi viết, Ban Chấm thi thực hành, Ban Phúc tra phải là người có năng lực chuyên môn tốt.

Người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột; cha, mẹ, anh ruột, chị ruột, em ruột của vợ hoặc chồng tham dự kiểm tra thì không được tham gia Hội đồng kiểm tra và Ban giúp việc.

5. Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam ra quyết định thành lập Ban Giám sát của Liên đoàn Luật sư Việt Nam để thực hiện giám sát việc kiểm tra kết quả tập sự

hành nghề luật sư. Thành phần Ban Giám sát gồm từ 03 đến 05 luật sư. Danh sách cụ thể, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát do Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định. Thành viên Ban Giám sát phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra

1. Hội đồng kiểm tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành Kế hoạch kiểm tra và nội quy kỳ kiểm tra;

b) Thành lập các Ban giúp việc của Hội đồng kiểm tra;

c) Quyết định danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kiểm tra, thời gian, địa điểm kiểm tra và thông báo cho các Đoàn Luật sư có thí sinh tham dự kiểm tra chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức kiểm tra; trong trường hợp cần thiết, thành lập Đoàn xác minh hồ sơ tham dự kiểm tra;

d) Tổ chức kiểm tra, chấm điểm kiểm tra, phúc tra bài kiểm tra, công bố kết quả kiểm tra và thông báo điểm kiểm tra cho Đoàn Luật sư và Sở Tư pháp nơi có người tập sự tham dự kiểm tra;

đ) Công nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư;

e) Hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư của thí sinh khi có căn cứ cho rằng thí sinh đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 của Thông tư này hoặc có hành vi gian dối, vi phạm khác làm thay đổi kết quả tập sự, kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư;

g) Gửi Bộ Tư pháp các quyết định, nội quy, quy chế kiểm tra, các biên bản được lập trong kỳ kiểm tra và kết quả kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ kiểm tra;

i) Báo cáo và cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến việc tổ chức kiểm tra theo quy định hoặc yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; thực hiện các yêu cầu, kiến nghị, kết luận kiểm tra, thanh tra;

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Thông tư này.

2. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phân công trách nhiệm cho từng thành viên Hội đồng kiểm tra;

c) Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc;

d) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo đảm an toàn và bảo mật cho đề kiểm tra, bài kiểm tra, phách, kết quả kiểm tra và các tài liệu khác có liên quan;

đ) Xử lý các trường hợp vi phạm quyết định, nội quy, quy chế kiểm tra;

e) Báo cáo Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam về kết quả kiểm tra, các vấn đề về tài chính và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc tổ chức kiểm tra và kết quả kiểm tra;

g) Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư cho các thí sinh đạt yêu cầu kiểm tra; thu hồi Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp kết quả kiểm tra bị hủy bỏ theo quy định của Thông tư này;

h) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Thông tư này.

3. Các thành viên Hội đồng kiểm tra thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

4. Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam quyết định hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư của thí sinh thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này sau khi Hội đồng kiểm tra đã giải thể.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc cho Hội đồng kiểm tra

1. Ban Đề thi có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức soạn thảo, thẩm định, chỉnh lý đề kiểm tra;

b) Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của đề chính thức và đề dự bị;

c) In sao đề kiểm tra đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu của Hội đồng kiểm tra;

d) Đóng gói, niêm phong, bảo quản đề kiểm tra, bàn giao đề kiểm tra gốc và đề kiểm tra cho Hội đồng kiểm tra;

đ) Bảo đảm tuyệt đối bí mật, an toàn cho đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm từ lúc bắt đầu soạn thảo đề kiểm tra cho đến hết thời gian kiểm tra của môn cuối cùng của kỳ kiểm tra.

Thành viên của Ban Đề thi làm việc độc lập và trực tiếp với Trưởng Ban Đề thi; mỗi thành viên của Ban Đề thi phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung của đề thi và bảo đảm bí mật, an toàn đề thi theo đúng chức trách của mình và theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Ban Phách có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhận bài kiểm tra được đóng trong các túi còn nguyên niêm phong từ Ban Thư ký;

b) Làm phách, bảo mật số phách bài kiểm tra;

c) Niêm phong và bảo quản đầu phách theo chế độ mật trong suốt thời gian chấm kiểm tra cho đến khi hoàn thành chấm kiểm tra;

d) Bàn giao bài kiểm tra đã làm phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Phách cho Ban Thư ký;

đ) Bàn giao đầu phách được đóng trong túi còn nguyên niêm phong của Ban Phách cho Hội đồng kiểm tra sau khi việc chấm kiểm tra đã hoàn thành;

e) Thực hiện việc ghép phách, lên điểm kiểm tra.

Ban Phách làm việc độc lập với các Ban giúp việc khác của Hội đồng kiểm tra theo sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra; chỉ được thực hiện

nhiệm vụ khi có mặt của Đoàn Kiểm tra, Ban Giám sát và Trưởng Ban Phách; những người trong Ban Phách không được là thành viên của Ban Chấm thi viết và Ban Phúc tra.

3. Ban Chấm thi viết có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lập kế hoạch chấm kiểm tra, tổ chức giao nhận bài kiểm tra và phân công giám khảo chấm thi viết;

b) Trước khi chấm, tổ chức cho giám khảo chấm thi viết thảo luận, nắm vững hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm;

c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng kiểm tra thay đổi hoặc đình chỉ việc chấm kiểm tra đối với giám khảo chấm thi viết thiếu trách nhiệm, chấm thi sai sót nhiều hoặc vi phạm quy chế kiểm tra;

d) Có trách nhiệm kiểm tra, xác minh khi có bất thường xảy ra; xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình chấm thi viết và kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra;

đ) Quản lý bài kiểm tra viết, phiếu điểm, biên bản được lập trong quá trình chấm thi viết; bảo mật thông tin liên quan đến kết quả chấm;

e) Sau khi chấm xong, tổ chức họp giám khảo chấm thi viết để tổng kết, rút kinh nghiệm, bàn giao bài kiểm tra viết cho Ban Thư ký và bàn giao kết quả kiểm tra cho Hội đồng kiểm tra.

4. Ban Chấm thi thực hành có nhiệm vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 3 Điều này.

5. Ban Phúc tra có nhiệm vụ kiểm tra các sai sót trong việc cộng điểm, ghi điểm bài kiểm tra; kiểm tra, rà soát các lỗi kỹ thuật; chấm lại các bài kiểm tra theo đề nghị của thí sinh; trình Chủ tịch Hội đồng kiểm tra ký phê duyệt điểm bài kiểm tra sau khi đã chấm phúc tra.

6. Quy trình ra đề và bảo mật đề kiểm tra viết, in sao, vận chuyển, bàn giao đề kiểm tra viết, sử dụng và bảo quản đề kiểm tra viết; phương thức làm phách, bàn

giao bài kiểm tra đã làm phách và những nội dung khác liên quan đến việc kiểm tra được thực hiện theo quy định hiện hành về Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban giúp việc khác do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quy định.

Điều 22. Nội quy kiểm tra

Nội quy kiểm tra gồm các nội dung sau đây:

1. Thời gian có mặt tại phòng kiểm tra và giấy tờ chứng minh về nhân thân của thí sinh, trang phục của thí sinh khi tham dự kiểm tra.

2. Hình thức trình bày bài kiểm tra (thống nhất kiểu chữ, màu mực làm bài kiểm tra, các phần bắt buộc phải ghi vào bài kiểm tra...).

3. Các trường hợp xác định bài kiểm tra có biểu hiện đánh dấu bài và phải đưa ra chấm tập thể.

4. Những đồ dùng, tài liệu được phép mang vào phòng kiểm tra.

5. Thời gian tối thiểu thí sinh được phép nộp bài kiểm tra.

6. Nghĩa vụ của thí sinh trong thời gian làm bài tại phòng kiểm tra.

7. Việc xử lý các trường hợp bỏ thi, hoãn thi, vi phạm quy chế kiểm tra đối với thí sinh, việc hủy bỏ kết quả kiểm tra.

8. Việc xử lý vi phạm đối với giám thị, giám khảo, các thành viên khác của Hội đồng kiểm tra, Ban giúp việc.

9. Các nội dung khác liên quan đến kỳ kiểm tra.

Điều 23. Trách nhiệm của thí sinh tham dự kiểm tra

1. Thí sinh có trách nhiệm:

a) Có mặt đúng giờ quy định và xuất trình giấy tờ chứng minh về nhân thân trước khi vào phòng kiểm tra;

b) Ngồi đúng số báo danh, giữ trật tự trong phòng kiểm tra;

c) Kiểm tra kỹ số trang và chất lượng các trang in khi nhận đề kiểm tra; nếu phát hiện thấy đề thiếu trang hoặc rách, hỏng, nhòe, mờ phải báo cáo ngay với giám thị trong phòng kiểm tra, chậm nhất 10 phút tính từ thời điểm phát đề kiểm tra;

d) Chỉ được sử dụng loại giấy kiểm tra được phát, ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy kiểm tra, chỉ được dùng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen, không được dùng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì, bút xóa, bút dạ và các ký hiệu trong bài kiểm tra;

đ) Chỉ được viết thống nhất một kiểu chữ trong bài kiểm tra;

e) Ngừng làm bài ngay khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài;

g) Chỉ được ra khỏi phòng kiểm tra trong trường hợp cần thiết khi được phép của giám thị và phải chịu sự giám sát của cán bộ giám sát; việc ra khỏi phòng kiểm tra, khu vực kiểm tra của thí sinh trong trường hợp cần cấp cứu phải có sự giám sát của công an cho tới khi hết giờ làm bài của buổi kiểm tra và do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định;

h) Chấp hành nội quy, quy chế kiểm tra.

2. Thí sinh được mang vào phòng kiểm tra bút viết, thước kẻ. Đối với bài kiểm tra kỹ năng, thí sinh được mang vào phòng kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thí sinh không được thực hiện các hành vi sau đây:

a) Mang vào phòng kiểm tra điện thoại di động, máy tính xách tay, máy tính điện tử có thẻ nhớ và soạn thảo được văn bản hoặc các phương tiện thu phát khác, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa thông tin có thể sử dụng để làm bài kiểm tra; vũ khí, các hóa chất độc hại, các chất gây cháy, nổ, bia, rượu và các tài liệu, vật dụng khác ngoài các tài liệu, vật dụng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hút thuốc trong phòng kiểm tra;

c) Ngồi không đúng số báo danh;

d) Trao đổi trong phòng kiểm tra;

đ) Quay cóp bài kiểm tra hoặc trao đổi giấy nháp, giấy kiểm tra;

e) Sử dụng tài liệu, vật dụng bị cấm trong phòng kiểm tra;

g) Có hành vi cố ý gây rối trật tự, gây mất an toàn trong phòng kiểm tra;

h) Có các hành vi khác vi phạm nghiêm trọng quyết định, nội quy, quy chế kiểm tra và các quy định có liên quan của Thông tư này.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với thí sinh tham dự kiểm tra

1. Thí sinh có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo một trong các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Đình chỉ kiểm tra.

2. Hình thức khiển trách áp dụng đối với thí sinh có một trong các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 23 của Thông tư này. Hình thức khiển trách do thành viên Ban Coi thi lập biên bản và công bố ngay tại phòng kiểm tra. Thí sinh bị khiển trách ở môn kiểm tra nào sẽ bị trừ 25% số điểm của môn đó.

3. Hình thức cảnh cáo áp dụng đối với thí sinh có một trong các hành vi sau đây:

a) Tái phạm khi đã bị khiển trách 01 lần;

b) Có một trong các hành vi quy định tại các điểm đ và e khoản 3 Điều 23 của Thông tư này.

Hình thức cảnh cáo do thành viên Ban Coi thi lập biên bản và công bố ngay tại phòng kiểm tra. Thí sinh bị cảnh cáo ở môn kiểm tra nào sẽ bị trừ 50% số điểm của môn đó.

4. Hình thức đình chỉ kiểm tra áp dụng đối với thí sinh có một trong các hành vi sau đây:

a) Vào phòng kiểm tra sau 15 phút kể từ khi công bố đề kiểm tra viết;

b) Tái phạm khi đã bị cảnh cáo;

c) Có một trong các hành vi quy định tại các điểm g và h khoản 3 Điều 23 của Thông tư này;

d) Đưa đề kiểm tra ra ngoài phòng kiểm tra hoặc nhận đáp án từ ngoài vào phòng kiểm tra trong thời gian kiểm tra.

Hình thức đình chỉ kiểm tra do thành viên Ban Coi thi lập biên bản, báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và công bố ngay tại phòng kiểm tra. Trong trường hợp thí sinh bị lập biên bản do sử dụng tài liệu, giấy nháp, vật dụng bị cấm sử dụng trong phòng kiểm tra thì thành viên Ban Coi thi phải thu giữ. Thí sinh bị xử lý bằng hình thức đình chỉ kiểm tra thì không được tiếp tục tham dự bài kiểm tra tiếp theo và bị hủy kết quả các bài đã kiểm tra.

5. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có thẩm quyền quyết định khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 25. Chấm điểm kiểm tra

1. Quy định chung về chấm điểm kiểm tra:

a) Mỗi bài kiểm tra có 02 thành viên Ban Chấm thi viết hoặc Ban Chấm thi thực hành chấm và cho điểm độc lập; việc chấm điểm kiểm tra được thực hiện theo hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của Hội đồng kiểm tra; bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 100;

b) Đối với việc chấm thi viết, Trưởng Ban Chấm thi viết quán triệt quy chế, đáp án, thang điểm, chấm chung ít nhất 03 bài kiểm tra mỗi môn để rút kinh nghiệm, thống nhất cách vận dụng hướng dẫn chấm; chỉ được làm tròn tối đa 01 lần đến 01 chữ số thập phân trên tổng số điểm của 01 bài kiểm tra; mỗi bài kiểm tra được chấm 02 vòng độc lập.

2. Quy trình chấm điểm kiểm tra viết lần thứ nhất:

a) Trưởng Ban Chấm thi viết tổ chức bốc thăm nguyên túi và giao riêng cho từng giám khảo; trước khi chấm, giám khảo kiểm tra từng bài đảm bảo đủ số tờ, số phách và gạch chéo tất cả phần giấy trắng còn thừa do thí sinh không viết hết trên tờ giấy làm bài kiểm tra; không chấm bài kiểm tra làm trên giấy khác với giấy dùng cho kỳ kiểm tra;

b) Trong trường hợp phát hiện bài làm không đủ số tờ, số phách, bài làm trên giấy nháp, bài làm trên giấy khác với giấy dùng cho kỳ kiểm tra, bài làm có hai nét chữ khác nhau, viết bằng hai màu mực khác nhau trở lên, bài làm nhàu nát, nghi vấn có đánh dấu hoặc vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 của Thông tư này, giám khảo báo cáo và giao những bài kiểm tra này cho Trưởng Ban Chấm thi viết để Chủ tịch Hội đồng kiểm tra xem xét, xử lý;

c) Khi chấm lần thứ nhất, ngoài nét gạch chéo trên phần giấy trắng còn thừa trên tờ giấy làm bài kiểm tra của thí sinh, giám khảo không ghi vào bài làm của thí sinh và túi bài kiểm tra; điểm thành phần, điểm toàn bài và nhận xét (nếu có) được ghi vào phiếu chấm; trên phiếu chấm ghi rõ họ, tên và chữ ký của giám khảo; giám khảo không ghi thông tin vào bài làm của thí sinh; sau khi chấm xong lần thứ nhất, giám khảo bàn giao cho Trưởng Ban Chấm thi viết để bàn giao cho Ban Thư ký.

3. Quy trình chấm điểm kiểm tra viết lần thứ hai:

a) Sau khi chấm lần thứ nhất, thành viên Ban Thư ký rút các phiếu chấm ra rồi giao túi bài kiểm tra cho Trưởng Ban Chấm thi viết để tổ chức bốc thăm cho người chấm lần thứ hai, bảo đảm không giao trở lại túi bài kiểm tra đã chấm cho giám khảo đã chấm lần thứ nhất;

b) Việc chấm bài lần thứ hai được thực hiện độc lập và theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

c) Chấm xong túi bài kiểm tra nào, giám khảo giao túi đó và phiếu chấm cho Trưởng Ban Chấm thi viết để bàn giao cho Ban Thư ký.

4. Xử lý kết quả chấm điểm kiểm tra viết:

a) Điểm của mỗi bài kiểm tra là trung bình cộng điểm mà 02 giám khảo đã chấm; trong trường hợp 02 giám khảo cho điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên hoặc chênh lệch 05 điểm nhưng là điểm ranh giới giữa trượt và đỗ thì 02 giám khảo này trao đổi thống nhất và cho điểm cuối cùng; nếu không thống nhất thì chuyển 02 kết quả điểm đó cho Trưởng Ban Chấm thi viết giải quyết; nếu Trưởng Ban Chấm thi viết không quyết định được thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra xem xét, quyết định;

b) Đối với phần tự chọn (nếu có) trong đề thi, thí sinh chỉ được làm 01 trong 02 phần tự chọn; nếu làm cả 02 phần tự chọn thì bị coi là phạm quy và không được chấm điểm cả 02 phần tự chọn;

c) Những bài làm có lập luận sáng tạo khác với đáp án có thể được thưởng điểm; mức điểm thưởng do giám khảo đề xuất và Trưởng Ban Chấm thi viết quyết định sau khi báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và phải được lập thành biên bản;

d) Trường hợp phát hiện bài kiểm tra nghi vấn có đánh dấu, giám khảo có trách nhiệm giao những bài kiểm tra này cho Trưởng Ban Chấm thi viết xem xét, tổ chức chấm tập thể; việc tổ chức chấm tập thể phải có ít nhất 03 giám khảo chấm độc lập, điểm của bài kiểm tra là trung bình cộng điểm mà các giám khảo đã chấm; nếu kết luận có vi phạm quy chế kiểm tra thì tiến hành lập biên bản và bài kiểm tra đó bị trừ 50% số điểm toàn bài.

5. Đối với việc chấm kiểm tra thực hành, trường hợp 02 giám khảo cho điểm chênh lệch nhau từ 10 điểm trở lên hoặc chênh lệch 05 điểm nhưng là điểm ranh giới giữa trượt và đỗ thì 02 giám khảo phải trao đổi trực tiếp để thống nhất về điểm dưới sự giám sát của Trưởng Ban Chấm thi thực hành; trường hợp không thống nhất được về điểm thì Trưởng Ban Chấm thi thực hành giải quyết; nếu Trưởng Ban Chấm thi thực hành không quyết định được thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng kiểm tra xem xét, quyết định; không chấm phúc tra đối với kết quả chấm kiểm tra thực hành.

6. Thí sinh đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư khi mỗi bài kiểm tra đạt từ 50 điểm trở lên.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc việc chấm điểm kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm công bố kết quả kiểm tra và thông báo cho Sở Tư pháp, Đoàn Luật sư nơi có người tập sự tham dự kiểm tra.

Điều 26. Quản lý bài kiểm tra và kết quả kiểm tra

1. Bài kiểm tra viết và kết quả kiểm tra thực hành phải được niêm phong ngay sau khi kết thúc kiểm tra; phách, điểm kiểm tra và các tài liệu liên quan phải được niêm phong vào cuối mỗi ngày làm việc và ngay sau khi kết thúc việc đánh mã phách, ghi phách, rọc phách, ghép phách, chấm điểm bài kiểm tra viết, lên điểm bài kiểm tra.

2. Bài kiểm tra, kết quả kiểm tra và các biên bản của kỳ kiểm tra được lưu giữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 27. Phúc tra bài kiểm tra viết

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra viết của mình có quyền làm đơn phúc tra gửi Chủ tịch Hội đồng kiểm tra.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập Ban Phúc tra. Ban Phúc tra gồm ít nhất 02 thành viên. Người đã tham gia Ban Phách và Ban Chấm thi viết không được tham gia Ban Phúc tra.

3. Cách thức tiến hành chấm phúc tra được áp dụng theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này. Trong trường hợp phúc tra bài kiểm tra lệch nhau từ 10 điểm trở lên hoặc chênh lệch 05 điểm nhưng là điểm ranh giới giữa trượt và đỗ thì Hội đồng kiểm tra tổ chức đối thoại trực tiếp giữa các thành viên chấm kiểm tra và thành viên phúc tra (có ghi biên bản) đối với các bài kiểm tra của thí sinh có sự điều

chỉnh điểm. Điểm phúc tra được Trưởng Ban Phúc tra trình Chủ tịch Hội đồng kiểm tra ký phê duyệt là điểm chính thức của bài kiểm tra.

4. Hội đồng kiểm tra công bố kết quả phúc tra và thông báo cho người có đơn phúc tra, Sở Tư pháp và Đoàn Luật sư nơi có người có đơn phúc tra.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LUẬT SƯ VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 28. Trách nhiệm của Đoàn Luật sư

1. Tiếp nhận và đăng ký tập sự cho người tập sự, từ chối cấp Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư đối với những trường hợp không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

2. Phân công luật sư thành viên của Đoàn Luật sư là người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự theo quy định của Thông tư này.

3. Giám sát việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc phân công luật sư hướng dẫn, nhận người tập sự, giám sát quá trình tập sự của người tập sự, quyền, nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn, quyền, nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Thông tư này.

4. Theo dõi, đánh giá về tư cách đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật của người đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề luật sư và người không đạt yêu cầu kiểm tra trong các kỳ kiểm tra trước; xem xét, đề nghị cho người tập sự tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư này.

5. Định kỳ 06 tháng, lập và gửi Sở Tư pháp, Liên đoàn Luật sư Việt Nam danh sách người tập sự đăng ký tại Đoàn Luật sư, việc thay đổi, tạm ngừng, gia hạn, chấm dứt việc tập sự.

6. Hòa giải tranh chấp giữa luật sư hướng dẫn và người tập sự, giữa tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự và người tập sự.

7. Gia hạn tập sự cho người tập sự.

8. Xử lý kỷ luật theo quy định của Thông tư này và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

9. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm của Liên đoàn Luật sư Việt Nam

1. Hướng dẫn Đoàn Luật sư giám sát việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc phân công luật sư hướng dẫn, nhận người tập sự; giám sát quá trình tập sự của người tập sự, quyền, nghĩa vụ của luật sư hướng dẫn, quyền, nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Thông tư này.

2. Hướng dẫn Đoàn Luật sư đánh giá về tư cách đạo đức, ý thức tuân thủ pháp luật trong báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư.

3. Hướng dẫn thủ tục tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư này.

4. Tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

5. Báo cáo Bộ Tư pháp về việc tổ chức và kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư kèm theo các tài liệu có liên quan.

6. Theo dõi, giám sát các Đoàn Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trong việc thực hiện Thông tư này và hướng dẫn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về tập sự hành nghề luật sư.

7. Tổng hợp tình hình tập sự hành nghề luật sư trong cả nước, đánh giá chất lượng tập sự hành nghề luật sư, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Tư pháp.

8. Gửi Bộ Tư pháp kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

9. Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tập sự hành nghề luật sư; hỗ trợ Đoàn Luật sư ở các tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn để phát triển số lượng người tập sự và nâng cao chất lượng tập sự hành nghề luật sư.

10. Hoà giải tranh chấp giữa Đoàn Luật sư và người tập sự; giữa Đoàn Luật sư và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư này và Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Theo dõi danh sách người tập sự hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư của địa phương mình.

2. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tập sự hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đình chỉ thi hành, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định, quyết định và Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư do Đoàn Luật sư ban hành hoặc cấp trái với quy định của Thông tư này.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về tập sự hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định, quyết định, hướng dẫn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về tập sự hành nghề luật sư trái với quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

3. Đình chỉ việc kiểm tra, hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư khi phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Kiểm tra việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

Cục Bổ trợ tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện chức năng kiểm tra việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thành lập Đoàn Kiểm tra kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

2. Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các quy định, quyết định, nội quy, quy chế kiểm tra nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật; quá trình tổ chức kiểm tra, phúc tra, chấm, lên điểm kiểm tra, ghép phách bài kiểm tra.

3. Giám sát kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, các Ban giúp việc và Ban Giám sát của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

4. Yêu cầu Hội đồng kiểm tra cung cấp các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến kỳ kiểm tra, báo cáo kết quả của kỳ kiểm tra.

5. Yêu cầu lập biên bản hoặc lập biên bản và đề nghị người có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm quy định về kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

6. Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp đình chỉ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định, quyết định, nội quy, quy chế hoặc kết quả kiểm tra trái với quy định của pháp luật.

7. Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập Đoàn Thanh tra để thực hiện thanh tra kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

8. Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp đình chỉ việc kiểm tra, hủy bỏ kết quả kiểm tra tập sự hành nghề luật sư khi phát hiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 33. Xử lý kỷ luật đối với người tập sự, luật sư hướng dẫn, người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

1. Người tập sự vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Tạm đình chỉ việc tập sự hành nghề luật sư từ 03 tháng đến 06 tháng;

d) Xóa tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư nơi đăng ký tập sự có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật đối với người tập sự vi phạm quy định của Thông tư này.

2. Luật sư hướng dẫn vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định tại Điều 85 của Luật Luật sư và không được hướng dẫn tập sự cho đến khi hết thời hạn xóa kỷ luật luật sư theo quy định của Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành.

3. Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự vi phạm quy định về việc nhận, hướng dẫn, giám sát người tập sự hành nghề luật sư quy định tại Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong các hình thức kỷ luật theo quy định tại Điều 85 của Luật Luật sư và không được nhận người tập sự cho đến khi hết thời hạn xóa kỷ luật luật sư theo quy định của Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật do Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành.

4. Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định cụ thể về hành vi vi phạm, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người tập sự, luật sư hướng dẫn, người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự.

Điều 34. Xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng kiểm tra, Ban giúp việc

Thành viên Hội đồng kiểm tra, Ban giúp việc có hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư

Người tập sự, luật sư hướng dẫn và cá nhân, tổ chức khác có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư khi có căn cứ cho

rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Thời hiệu khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại.

Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là quyết định cuối cùng.

Điều 36. Khiếu nại về việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Hội đồng kiểm tra, thành viên Hội đồng kiểm tra, Ban giúp việc khi có căn cứ cho rằng quyết định đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Thời hiệu khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng kiểm tra, người tập sự có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của thành viên Ban Chấm thi thực hành khi có căn cứ cho rằng hành vi đó làm ảnh hưởng đến kết quả môn kiểm tra thực hành của mình. Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

3. Trong trường hợp Hội đồng kiểm tra đã giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Liên đoàn Luật

sư Việt Nam là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam là quyết định cuối cùng.

Điều 37. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam

Người tập sự, luật sư hướng dẫn và cá nhân, tổ chức khác có quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Thời hiệu khiếu nại được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại.

Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Ban thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam là quyết định cuối cùng.

Điều 38. Tố cáo

Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm quy định của Thông tư này. Việc giải quyết tố cáo tuân theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư quy định tại khoản 4 Điều 15 của Thông tư này không áp dụng đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.

3. Người không đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì phải tập sự lại nếu không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Trong trường hợp Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã công bố lịch kiểm tra mà chưa thực hiện việc kiểm tra trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì các quy định liên quan đến việc thành lập Hội đồng kiểm tra, người tham dự kiểm tra và hồ sơ tham dự kiểm tra được thực hiện theo Thông tư số 19/2013/TT-BTP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022 và thay thế Thông tư số 19/2013/TT-BTP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu

TP-LS-01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3 x 4

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Đoàn Luật sư.....

Tên tôi là *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính.....

Ngày sinh...../...../..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....

Thời gian tham dự khóa đào tạo nghề luật sư:.....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN
(ghi rõ từ khi tốt nghiệp phổ thông trung học đến nay)

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	***Làm gì?***	***Nơi công tác/ học tập***	***Giữ chức vụ gì?***

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT
(ghi rõ hình thức khen thưởng, kỷ luật từ khi tốt nghiệp phổ thông trung học đến nay; trường hợp kỷ luật thì ghi rõ lý do kỷ luật và kèm theo quyết định kỷ luật; trường hợp không có khen thưởng, kỷ luật thì ghi rõ là "không")

.....

BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

(ghi rõ có hay không việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi rõ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền)

.....

Nay tôi được nhận tập sự hành nghề luật sư tại tổ chức hành nghề luật sư..... (trụ sở tại.....) do luật sư..... hướng dẫn. Vì vậy, tôi đề nghị Ban chủ nhiệm xem xét cho tôi đăng ký tập sự hành nghề luật sư tại Đoàn Luật sư.....

Tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư số...../...../TT-BTP ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên, cam đoan thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người tập sự hành nghề luật sư do pháp luật quy định.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

<u>Hồ sơ gửi kèm theo Giấy đề nghị:</u>

- Giấy xác nhận về việc nhận tập sự hành nghề luật sư của tổ chức hành nghề luật sư;

- Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

- Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam hoặc bản sao Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài hoặc bản sao giấy tờ chứng minh được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.

TP-LS-02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

TÊN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NHẬN TẬP SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
VỀ VIỆC NHẬN TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Tên tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

Website:.....

Giấy đăng ký hoạt động số:.....

Ngày cấp:.....

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư:.....

XÁC NHẬN

Ông/Bà..... Sinh ngày.....

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Thời gian tham dự khóa đào tạo nghề luật sư:.....

Là người tập sự của tổ chức hành nghề luật sư:.....

Kể từ ngày..... dưới sự hướng dẫn của luật sư.....

Số Chứng chỉ hành nghề luật sư..... Ngày cấp.....

Số Thẻ luật sư..... Ngày cấp.....

Tổ chức hành nghề luật sư cam kết tạo điều kiện tốt nhất cho người tập sự và luật sư hướng dẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TP-LS-03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

ĐOÀN LUẬT SƯ
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Tên Đoàn Luật sư *(ghi bằng chữ in hoa)*:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà..... Sinh ngày.....

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật số:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....

Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề luật sư số/Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài số:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....

Thời gian tham dự khóa đào tạo nghề luật sư:.....

Hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư (ghi rõ lý do):.....

Hiện đang tập sự hành nghề luật sư tại tổ chức hành nghề luật sư (ghi rõ tên tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự):.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Luật sư hướng dẫn (ghi rõ họ tên, số Chứng chỉ hành nghề luật sư, số Thẻ luật sư, ngày cấp):.....

Là người tập sự của Đoàn Luật sư tỉnh/thành phố.....

Ngày đăng ký tập sự.....

Thời gian được giảm tập sự và lý do được giảm (nếu có).....

Gia hạn tập sự (nếu có) kể từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Đoàn Luật sư cam kết tạo điều kiện tốt nhất cho người tập sự và luật sư hướng dẫn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng.... năm.....

TM. BAN CHỦ NHIỆM ĐOÀN LUẬT SƯ

Chủ nhiệm

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TP-LS-04
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
3 x 4

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAM DỰ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

Tên tôi là *(ghi bằng chữ in hoa)*:..... Giới tính:.....

Ngày sinh...../...../..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Điện thoại:..... Email:.....

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu/:.....

Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp:.....

Thời gian tham dự khóa đào tạo nghề luật sư:.....

Thời gian tập sự: từ...../...../..... đến ngày...../...../.....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

(ghi rõ từ khi tốt nghiệp phổ thông trung học đến nay)

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	*Làm công tác gì?*	*Nơi công tác/ học tập*	*Giữ chức vụ gì?*

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

(ghi rõ hình thức khen thưởng, kỷ luật từ khi tốt nghiệp phổ thông trung học đến nay; trường hợp kỷ luật thì ghi rõ lý do kỷ luật và kèm theo quyết định kỷ luật; trường hợp không có khen thưởng, kỷ luật thì ghi rõ là "không")

.....

BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

(ghi rõ có hay không việc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì ghi rõ tội danh, số bản án, cơ quan ra bản án và gửi kèm bản án, văn bản xác nhận xóa án tích của cơ quan có thẩm quyền)

.....

Nay tôi có nguyện vọng tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư tổ chức tại..... vào tháng...../....., tôi làm Giấy này đề nghị Hội đồng kiểm tra xem xét cho tôi được tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

Tôi cam kết đáp ứng đủ các điều kiện tập sự hành nghề luật sư và tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định của Thông tư số...../...../TT-BTP ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên, cam đoan thực hiện đúng và đầy đủ nội quy, quy chế và các quy định khác có liên quan của kỳ kiểm tra, trong trường hợp có vi phạm tôi xin chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử lý theo quy định.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo Giấy đề nghị:

- Bản sao Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư;

- Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

- Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư kèm theo Sổ nhật ký tập sự theo quy định của Thông tư này;

- Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 của Luật Luật sư.

** Đối với người có Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực thì chỉ gửi Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư hết hiệu lực kèm theo Giấy đề nghị tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Thông tư.*

TP-LS-05
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
ĐOÀN LUẬT SƯ.....

SỔ NHẬT KÝ TẬP SỰ

(Được in trên khổ giấy A4)

* Họ và tên người tập sự:.....
* Họ và tên luật sư hướng dẫn:.....
* Tên tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự:.....
* Thời gian tập sự hành nghề luật sư: Từ ngày..... đến ngày.....
* Thời gian được giảm tập sự và lý do (nếu có):.....

NỘI DUNG CÔNG VIỆC TẬP SỰ

TT	*Nội dung vụ việc (tư vấn hoặc tranh tụng)*	*Thời gian thực hiện (từ ngày đến ngày)*	*Công việc được luật sư hướng dẫn phân công*	*Văn bản pháp luật điều chỉnh vụ, việc*	*Ghi chú*
1.					
2.					

Ghi chú:

Tổng số vụ, việc tham gia là:..... Trong đó:

+ Tổng số vụ án tham gia là:..... vụ (.....)

+ Tổng số việc tư vấn tham gia là:..... việc (.....)

(Lập Bảng theo dõi công việc tập sự hàng tuần để đảm bảo thời gian tập sự tối thiểu là 20 giờ trong 01 tuần theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 của Thông tư này)

Xác nhận của luật sư hướng dẫn

Tôi, Luật sư..... là luật sư hướng dẫn cho người tập sự..... Nay, nhận xét Sổ nhật ký tập sự qua thời gian tập sự từ ngày..... đến ngày..... như sau:

Nhật ký ghi chép của người tập sự đầy đủ, đúng với thời gian tập sự do chính luật sư hướng dẫn và thực hiện tại tổ chức hành nghề luật sư nơi đăng ký tập sự. Vụ, việc người tập sự ghi trong Sổ nhật ký là vụ, việc được luật sư hướng dẫn giao cho thực hiện. Luật sư hướng dẫn cam đoan nội dung ghi chép của người tập sự là đúng với thực tế quá trình tập sự.

Xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

Chữ ký bên là của Luật sư..... hiện đang hoạt động hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư và hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư cho Ông/Bà..... là đúng.

.....,ngày..... tháng..... năm.....

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

Luật sư hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

TP-LS-06
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
ĐOÀN LUẬT SƯ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
QUÁ TRÌNH TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Kính gửi: Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư.....

Họ tên người tập sự:.....

Sinh ngày:.....

Số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Được công nhận tập sự theo Giấy chứng nhận số:..... ngày.....

Thời gian tập sự: Từ ngày:..... đến hết ngày:.....

Thời gian tập sự được giảm và lý do được giảm (nếu có):.....

Tập sự tại tổ chức hành nghề luật sư:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Luật sư hướng dẫn:..... Chứng chỉ hành nghề luật sư số:..... do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp ngày..... Thẻ luật sư số:..... do Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày.....

Báo cáo nội dung quá trình tập sự hành nghề luật sư như sau:

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư.

2. Số lượng, nội dung, thời gian và địa điểm thực hiện vụ, việc được phân công tham gia (trong đó nêu rõ về cơ sở pháp lý, hướng tư vấn/bào chữa/bảo vệ cho khách hàng trên cơ sở quy định của pháp luật và tình tiết vụ việc, kiến thức pháp luật, kỹ năng hành nghề luật sư thu nhận được từ quá trình tham gia giải quyết vụ, việc).

3. Tự nhận xét về tư cách đạo đức, năng lực chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức chấp hành pháp luật nói chung và việc chấp hành pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam nói riêng.

4. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tập sự và đề xuất, kiến nghị.

Trên đây là Báo cáo quá trình tập sự hành nghề luật sư mà bản thân tôi đã thực hiện trong thời gian qua và đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh/thành phố..... xem xét, đánh giá, xác nhận cho tôi đã hoàn thành thời gian tập sự và đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra hết tập sự hành nghề luật sư.

Người tập sự hành nghề luật sư
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN NHẬN XÉT CỦA LUẬT SƯ HƯỚNG DẪN

(Ghi rõ xác nhận tính chính xác về vụ, việc người tập sự đã tham gia, nhận xét quá trình tập sự, trong đó nêu rõ ưu, khuyết điểm, hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề, ý thức chấp hành kỷ luật, tuân thủ pháp luật nói chung, tuân thủ pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam nói riêng)

Tôi, Luật sư..... là luật sư hướng dẫn cho người tập sự....., nhận xét quá trình tập sự của người tập sự..... từ ngày..... đến ngày..... như sau:

1. Về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề:

.....
.....
.....

2. Về ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức tuân thủ pháp luật:

.....
.....
.....

3. Về tư cách đạo đức và việc tuân theo Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam:

.....

.....

.....

4. Kết luận:

Căn cứ các quy định pháp luật về tập sự hành nghề luật sư, tôi nhận xét người tập sự..... đã hoàn thành thời gian, nghĩa vụ tập sự hành nghề luật sư và đề nghị cho người tập sự..... tham dự kiểm tra kết quả hành nghề luật sư.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Luật sư hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NHẬN TẬP SỰ

1. Về quá trình tập sự hành nghề luật sư của người tập sự:

.....

.....

2. Về quá trình hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư của luật sư hướng dẫn:

.....

.....

....., ngày... tháng... năm 20...

Người đứng đầu tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ VỀ NGƯỜI TẬP SỰ

1. Về tư cách đạo đức và việc tuân theo Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam:

.....

.....

2. Về ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức tuân thủ pháp luật:

.....

.....

3. Về năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành nghề:

.....

.....

Đoàn Luật sư tỉnh/thành phố..... xác nhận người tập sự..... đã hoàn thành thời gian, nghĩa vụ tập sự hành nghề luật sư và đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư.

Ngày..... tháng..... năm 20.....

TM. BAN CHỦ NHIỆM ĐOÀN LUẬT SƯ

CHỦ NHIỆM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TP-LS-07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự

.....

MẪU BÌA
SỔ THEO DÕI QUÁ TRÌNH TẬP SỰ CỦA NGƯỜI TẬP SỰ

(Được in trên khổ giấy A4)

QUYỂN SỐ:.....

Mở ngày..... tháng..... năm.....

SỔ THEO DÕI QUÁ TRÌNH TẬP SỰ CỦA NGƯỜI TẬP SỰ

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

STT	Họ tên, ngày, tháng, năm sinh của người tập sự	Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư	Thời gian tập sự	Luật sư hướng dẫn	Nội dung các vụ, việc được phân công thực hiện trong quá trình tập sự	Tiến độ và chất lượng thực hiện công việc	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

TP-LS-08
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTP)

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
ĐOÀN LUẬT SƯ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THEO DÕI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(từ ngày...../..../..... đến ngày...../..../.....)

(Ban hành kèm theo Thông tư số.....)

TT	Họ tên người tập sự	Năm sinh	Giới tính	Nơi cư trú	Liên hệ (số điện thoại, email)	Số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề luật sư tại Việt Nam/Quyết định công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài/lý do được miễn đào tạo nghề luật sư, được giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư (nếu có)	Số, ngày, tháng, năm của Giấy chứng nhận người tập sự hành nghề luật sư	Tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự	Họ tên, số Chứng chỉ hành nghề luật sư và số Thẻ luật sư của luật sư hướng dẫn	Những thay đổi trong quá trình tập sự (1)	Những vấn đề khác phát sinh trong quá trình tập sự (nếu có)	Kết quả tập sự (2)
1												
2												
...												

Ngày 31/12/.....:

- Tổng số người tập sự:...
- Tổng số người tập sự tạm ngừng tập sự:...
- Tổng số người thay đổi nơi tập sự:...
- Tổng số người bị từ chối hướng dẫn tập sự:...
- Tổng số người bị xử lý kỷ luật trong quá trình tập sự:..
- Tổng số người chấm dứt tập sự:...

- Tổng số người hoàn thành thời gian và nghĩa vụ tập sự:...

- Tổng số người chưa hoàn thành thời gian và nghĩa vụ tập sự hoặc tổng số người không đạt yêu cầu tập sự và phải gia hạn tập sự:...

- Những nội dung khác (nếu có):...

Chú thích:

- (1) Ghi rõ số lần tạm ngừng tập sự, thay đổi nơi tập sự, thay đổi luật sư hướng dẫn, từ chối hướng dẫn tập sự...

- (2) Ghi rõ có hay không hoàn thành thời gian và nghĩa vụ của người tập sự; nếu không hoàn thành hoặc không đạt yêu cầu tập sự và phải gia hạn tập sự thì ghi rõ lý do.